

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Thu Hương*

ABSTRACT

E-commerce has become a field that has an extremely important influence on the economic growth of countries. For Vietnam, the e-commerce market is increasingly expanding, with a diversity of operating models and many participants. However, with the growth considered to be the fastest in Southeast Asia, it also poses new and significant challenges for tax management. That is the ability to fully manage revenue sources and taxpayers, apply modern and effective management, in accordance with international practices on the principle of risk-compliant management on the basis of a large database of e-commerce.

Keywords: Tax management, e-commerce businesses

Received: 10/04/2024; **Accepted:** 15/05/2024; **Published:** 05/06/2024

1. Đặt vấn đề

Công tác quản lý thuế thương mại điện tử (TMĐT) tại Việt Nam những năm qua đã đạt được một số các thành tựu theo cách tiếp cận về khung quản lý thuế TMĐT do Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đề xuất. Ngành thuế đã có những bước tiến đáng kể trong vận dụng các tiến bộ của công nghệ tin học phục vụ người nộp thuế như hình thành một đội ngũ cán bộ chuyên môn hoá trong toàn ngành thuế để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho người nộp thuế; thành lập và phát triển được trang thông tin (Website) chung của ngành thuế và tại các cục thuế địa phương cũng đã có trang thông tin riêng để cập nhật kịp thời văn bản pháp luật về thuế và quản lý thuế; cung cấp phần mềm hỗ trợ để người nộp thuế kê khai thuế. Trong cả nước hiện nay có 63 tỉnh, thành phố, trong đó thành phố Hà Nội được đánh giá là một trong các thị trường phát triển TMĐT năng động nhất. Nhiều năm qua, thành phố Hà Nội luôn xếp từ thứ hai trở lên so với cả nước về chỉ số TMĐT (EBI). Thành phố cũng phần đầu có 95% doanh nghiệp (DN) có website, ứng dụng cung cấp thông tin DN, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh. 100% số chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng nông sản thực phẩm an toàn tham gia hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã Qrcode truy xuất nguồn gốc (tăng 20% so với năm 2019); 10.000 lượt đăng ký thành viên tham gia chợ TMĐT từ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp an toàn, sản xuất theo chuỗi thành phố Hà Nội. Phát triển, xây dựng và nâng cao kết cấu hạ tầng logistics đáp ứng phục vụ phát triển TMĐT.

Chính vì vậy, mặc dù việc quản lý nhà nước đối với TMĐT ở thành phố Hà Nội đạt được một số kết quả nhất định nhưng còn một số hạn chế, như một số quy định bất hợp lý về TMĐT vẫn chưa được khắc phục, thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa các chính sách với nhau và giữa chính sách trong nước với thông lệ quốc tế gây khó khăn lúng túng cho địa phương khi áp dụng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu các DN hoạt động trong lĩnh vực TMĐT ở Hà Nội

TMĐT đang phát triển nhanh, mạnh ở thị trường Hà Nội. Theo thông tin từ Tổng cục Thống kê, doanh số bán lẻ của thành phố Hà Nội đạt 530.610 tỷ đồng năm 2020 và 509.096 tỷ đồng năm 2021. Trong đó, doanh số từ TMĐT đã đạt gần 56 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 11% doanh số bán lẻ của toàn thành phố. Theo báo cáo từ chỉ số phát triển TMĐT Việt Nam năm 2022 của Hiệp hội TMĐT ở Việt Nam, thành phố Hà Nội đã đạt được sự phát triển ấn tượng về TMĐT so với các địa phương khác. Ở tất cả các chỉ số, TMĐT ở thành phố Hà Nội luôn xếp ở vị trí thứ hai, sau thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng DN liên quan đến hoạt động TMĐT ở Hà Nội tăng mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Hà Nội tính đến hết tháng 12 năm 2021, có tổng số 10.203 website ứng dụng TMĐT của tổ chức, cá nhân; doanh thu đạt trên 55.000 tỷ đồng, chiếm 7% tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng, tăng 2% so với năm 2020. Hơn nữa, là địa phương luôn đi tiên phong trong việc phát triển TMĐT, Hà Nội đã có nhiều chính sách

*ThS.Trường Đại học Mỏ - Địa chất

khuyến khích các DN TMĐT Hà Nội phát triển.

Bảng 2.1. Thống kê số lượng DN nộp thuế tại Cục thuế thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 – 2022

TT	Nội dung	Các năm			Tốc độ phát triển (%)		
		2020	2021	2022	2021/2020	2022/2021	BQ 2022/2020
1	DN đang hoạt động	165.875	178.493	196.342	107,60%	110%	102,20%
2	DN mới thành lập	26.144	24.026	30.994	91,90%	129%	140,4%
3	DN hoạt động trở lại	9.478	10.198	10.443	107,6%	102,4%	95,2%
4	DN không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký	7.041	6.777	6.614	96,3%	97,6%	101,4%
5	DN tạm nghỉ	10.151	11.735	16.194	115,6%	138%	119,4%
6	DN giải thể, phá sản	2.509	3.094	3.775	123,3%	122%	98,9%

(Nguồn: Cục thuế Thành phố Hà Nội)

Số lượng DN luôn có sự gia tăng mạnh mẽ từ xấp xỉ 100% đến 120% trong giai đoạn 2020-2022. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, những tháng đầu năm 2020, nhiều hàng quán ở Hà Nội phải tạm dừng hoạt động. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội cho TMĐT phát triển, hỗ trợ DN chuyển đổi phương thức kinh doanh. Việc người tiêu dùng trong dịch bệnh covid 19 hạn chế mua sắm tại chợ truyền thống, đẩy mạnh mua hàng qua giao dịch online là cơ hội cho DN chuyển đổi hình thức bán lẻ truyền thống sang TMĐT, qua đó nâng cao thị phần trong cơ cấu doanh thu bán lẻ.

Với số lượng DN đang phát triển ngày càng mạnh mẽ do Cục thuế thành phố Hà Nội đang quản lý, tình hình quản lý thu thuế như sau:

Bảng 2.2. Tình hình thu thuế tại cục thuế thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 – 2022

Sắc thuế	Năm			Chênh lệch 21/20		Chênh lệch 22/21	
	2020	2021	2022	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
GTGT	43.816	46.472	52.715	2.656	6,06	6.243	13,43
TNDN	67.733	88.475	78.592	20.742	30,62	-9.883	-11,17
TNCN	31.467	31.467	37.534	0	0	6.067	19,28
Lệ phí trước bạ	7.070	7.801	8.484	731	10,34	683	8,76
Phí, lệ phí	15.162	15.275	18.585	113	0,75	3.310	21,67
Khác	9.983	13.931	14.960	3.948	39,55	1.029	7,39
Tổng cộng	177.250	205.443	210.871	28.193	15,91	5.428	2,64

(Nguồn: Cục thuế Thành phố Hà Nội)

2.2. Hạn chế trong công tác quản lý thuế đối với DN kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT tại cục thuế thành phố Hà Nội

- Thu thập cơ sở dữ liệu quản lý đối với hoạt động TMĐT tương đối khó khăn vì đặc điểm của hoạt động TMĐT là hoạt động trên không gian internet, đó là không gian phẳng, không phụ thuộc vị trí, khoảng cách địa lý.

- Khó khăn khi phân biệt một số loại thu nhập, đặc biệt là bản quyền, phí dịch vụ hay doanh thu hàng hoá thông thường. Ví dụ,

điển hình là doanh thu liên quan đến phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, các ứng dụng đăng tải trên mạng... rất khó để xác định số tiền chi trả cho bản quyền, phí dịch vụ hay doanh thu trả cho sản phẩm số để ngành thuế làm căn cứ tính thuế GTGT, nghĩa vụ khai thuế.

- Kiểm soát giao dịch kinh doanh để quản lý đối tượng thu thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT rất hạn chế. Do chủ thể kinh doanh TMĐT không cần đến cửa hàng, cửa hiệu theo cách truyền thống, các giao dịch hoàn toàn thực hiện bằng phương thức điện tử, máy chủ có thể đặt tại nước ngoài, một đối tượng có thể có nhiều gian hàng trên một sàn giao dịch TMĐT, và cùng lúc trên nhiều sàn giao dịch TMĐT, cùng lúc trên nhiều trang mạng xã hội.

- Các DN trong lĩnh vực TMĐT có thể dễ trốn thuế hơn so với hình thức kinh doanh truyền thống nhờ

công nghệ có thể bảo mật thông tin trong kinh doanh. Có không ít tổ chức, cá nhân sử dụng website để quảng bá sản phẩm, hàng hoá, bán trực tiếp cho người tiêu dùng không xuất hoá đơn bán hàng, không kê khai doanh thu tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập DN.

- Các DN, cá nhân kinh doanh trên nền tảng trực tuyến thường tìm cách né

thuế, chia nhỏ thành nhiều tài khoản khác nhau để kinh doanh, dẫn đến việc kê khai thuế có sự không chuẩn xác và rất khó kiểm soát.

2.3. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với DN kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT tại Cục thuế thành phố Hà Nội

2.3.1. Hoàn thiện khung pháp lý áp dụng cho công tác quản lý thuế đối với DN kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT tại Cục thuế thành phố Hà Nội

TMĐT là một lĩnh vực rất đặc thù, đó là sự kết hợp giữa công nghệ và thị trường, giữa yếu tố thực và yếu tố ảo, giữa thực thể tồn tại với thực thể trong không gian số. Chính vì vậy, khung pháp lý đang tiếp tục được hoàn thiện gắn với thực tiễn. Khung pháp lý cho TMĐT gồm: Luật Thương mại, Luật giao dịch điện tử, Nghị định 52/2013/NĐ - CP về TMĐT và một số nghị định khác liên quan tới các lĩnh vực trong hoạt động TMĐT như Nghị định 165/2018/NĐ - CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 130/2018/NĐ - CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử chữ ký số và chứng thực chữ ký số; Nghị định 119/2018/NĐ - CP quy định về hoá đơn điện tử... Tuy nhiên, với những đặc trưng riêng biệt của hoạt động TMĐT, cơ quan quản lý cần nghiên cứu, ban hành một số quy định hướng dẫn đặc thù để giúp việc quản lý thuế đối với hoạt động này được thực hiện thuận lợi, hiệu quả, cụ thể như sau:

- Xây dựng tiêu chí xác định cơ sở thường trú trong giao dịch TMĐT: Việc phân định quyền đánh thuế giữa các quốc gia là rất quan trọng. Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu này, cần có tiêu chí để xác định cơ sở thường trú trong giao dịch TMĐT. Thông thường, một DN nước ngoài được coi là có cơ sở thường trú tại Việt Nam khi DN có một địa điểm kinh doanh cố định, hoặc một chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, kho hàng... tại Việt Nam. Tuy nhiên, khái niệm truyền thống về cơ sở thường trú này không còn phù hợp với điều kiện kinh doanh trong môi trường số hoá khi DN nước ngoài không cần hiện diện thường xuyên; có kho hàng hoặc một địa điểm kinh doanh cố định tại một nước khác. Nếu không có hướng dẫn phù hợp về việc xác định cơ sở thường trú đối với loại hình kinh doanh TMĐT, Việt Nam có thể thất thu số thuế không nhỏ từ hoạt động kinh doanh này.

- Ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết chính sách thuế dành riêng cho hoạt động TMĐT.

2.3.2. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối

với DN kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT ở Cục thuế thành phố Hà Nội.

Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính tiếp tục triển khai các chương trình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đã phát huy hiệu quả trong thời gian qua như tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức đối thoại trực tiếp với người nộp thuế, tổ chức đường dây nóng 24/7, thực hiện truyền thông qua các đại sứ quán, hiệp hội DN nước ngoài tại Việt Nam và các đơn vị tư vấn thuế lớn. Ngoài ra, trong thời gian tới, nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền đến người nộp thuế có hoạt động kinh doanh TMĐT, Tổng cục Thuế sẽ ban hành thư ngỏ gửi tổ chức, cá nhân kinh doanh TMĐT về việc kê khai, nộp thuế nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và tính tự giác trong việc chấp hành pháp luật thuế.

Trong hoạt động hỗ trợ người nộp thuế giải đáp các thắc mắc về quy trình, thủ tục và thực hiện nghĩa vụ thuế hoàn toàn có thể sử dụng chatbot để nâng cao hiệu quả của quản lý thuế. Trong mô hình thực hiện chatbot thì người nộp thuế có nhu cầu sẽ gửi câu hỏi đến cơ quan thuế qua một website, các trợ lý ảo sẽ tiếp nhận câu hỏi, sử dụng AI phân tích, nhận dạng câu hỏi và đưa ra câu trả lời cho người nộp thuế. Khi thực hiện chatbot, người nộp thuế và cơ quan thuế đều đạt được những lợi ích nhất định. Bao gồm:

- Về phía người nộp thuế: Luôn được cơ quan thuế hỗ trợ 24/7, dễ sử dụng để thu nhận thông tin đáp ứng nhanh yêu cầu công việc.

- Về phía cơ quan thuế: Chatbot sẽ giúp tối ưu nguồn lực, nâng cao hiệu suất phục vụ, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Điều kiện thực hiện: Cơ quan thuế cử cán bộ phụ trách nội dung hỗ trợ (1-2 cán bộ) và cần mở API trên nền tảng trình duyệt web và ứng dụng di động tại hệ thống cung cấp dịch vụ. Nguyên tắc khi sử dụng chatbot đòi hỏi ứng dụng thao tác nhanh gọn khi người nộp thuế sử dụng, trong vòng tối đa 3 phút phải mở được ứng dụng; trong vòng 1 giây khi người nộp thuế đưa ra câu hỏi thì các trợ lý ảo phải đưa ra câu trả lời tiếp nhận tin; trong giao dịch hỗ trợ người nộp thuế không có sự tham gia của cán bộ thuế mà các câu trả lời hoàn toàn do các trợ lý ảo xử lý.

2.3.3. Nâng cao hạ tầng cơ sở, áp dụng triệt để chuyển đổi số trong thương mại nói chung, TMĐT nói riêng

Ngành Thuế tiếp tục rà soát và làm giàu CSDL TMĐT từ các nguồn thông tin từ các bộ, ngành; từ các

tổ chức kinh doanh trong hệ sinh thái TMDT. Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, ngành Thuế tiếp tục tổ chức dữ liệu, phân tích rủi ro trong đó có sử dụng phương pháp học máy - áp dụng trí tuệ nhận tạo (AI) để xử lý dữ liệu, đưa ra các cảnh báo và triển khai các biện pháp quản lý thuế phù hợp theo từng đối tượng có hoạt động kinh doanh TMDT theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

Về hiện đại hóa công tác quản lý thuế, ngành Thuế tiếp tục triển khai hiện đại hóa công tác quản lý thu, nộp thuế đặc biệt đối với nhóm người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa trong việc thực hiện nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế theo hình thức điện tử.

Về củng cố cơ sở dữ liệu thương mại điện tử và áp dụng quản lý theo rủi ro, ngành thuế tiếp tục rà soát và làm giàu cơ sở dữ liệu thương mại điện tử từ các nguồn thông tin từ các bộ, ngành; từ các tổ chức kinh doanh trong hệ sinh thái thương mại điện tử. Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, ngành thuế tiếp tục tổ chức dữ liệu, phân tích rủi ro trong đó có sử dụng phương pháp học máy - áp dụng trí tuệ nhận tạo (AI) để xử lý dữ liệu, đưa ra các cảnh báo và triển khai các biện pháp quản lý thuế phù hợp theo từng đối tượng có hoạt động kinh doanh TMDT theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

2.3.4. Tăng cường sự phối kết hợp trong quản lý thuế đối với TMDT trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các bộ ngành trong khuôn khổ triển khai Chỉ thị 18/CT-TTg về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu để phục vụ phát triển TMDT, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động TMDT nói chung, công tác quản lý thuế nói riêng. Tăng cường trách nhiệm phối hợp của các cơ quan quản lý như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước...; các công ty viễn thông, công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền dẫn, cung cấp hạ tầng mạng... trong việc trao đổi, thu thập thông tin của các đơn vị có hoạt động TMDT, thông tin về việc đăng ký website sàn TMDT, đăng ký tên miền, thuê máy chủ, thuê đường truyền dẫn, thanh toán qua ngân hàng...

2.3.5. Tập huấn, nâng cao kỹ năng cho cán bộ thu thuế

Đẩy mạnh công tác luân chuyển nội bộ, nhằm bổ

trí đúng người, đúng việc cũng như phát huy đúng năng lực làm việc của từng người. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thuế.

3. Kết luận

TMDT là cơ hội để thúc đẩy nền kinh tế số, là môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng các mô hình kinh doanh. Sự phát triển song song giữa thương mại truyền thống và TMDT, các vấn đề trong giao dịch TMDT phát sinh cũng là bài toán được đặt ra với cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý và bảo vệ người tiêu dùng. Sự phát triển của TMDT đã và đang tạo ra những thách thức không nhỏ cho việc xây dựng một thị trường trực tuyến lành mạnh ở Việt Nam. Dựa trên mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch tổng thể phát triển TMDT quốc gia giai đoạn 2021-2025, một thị trường TMDT an toàn, lành mạnh là điều hoàn toàn có thể thực hiện khi có sự vào cuộc đồng bộ của Chính phủ, các Bộ ngành trung ương, địa phương và những DN đã, đang và sẽ tham gia vào thị trường trực tuyến quản lý thuế.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2013), Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/2/2013 của Chính phủ, Hà Nội

2. Bộ tài chính (2014), Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC; Thông tư số 111/2013/TT-BTC; Thông tư số 219/2013/TT-BTC; Thông tư số 08/2013/TT - BTC; Thông tư số 85/2011/TT-BTC; Thông tư số 39/2014/TT-BTC và Thông tư số 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản các thủ tục về thuế, Hà Nội

3. Nguyễn Chí Dũng (2013), Quản lý thuế đối với hoạt động TMDT - Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành thuế.

4. Nguyễn Minh Ngọc (2011), Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành thuế ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

5. Quốc hội (2016), Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.